

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-PT

Ngày: 18/01/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Phạm Thị Kim

2. Ông Nguyễn Minh Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc – Thư ký Tòa án.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 557/DSPT ngày 10/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50 /2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6449/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ:, Đường số 4, Khu phố 6, phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Chung cư L 67 Mai Chí Thọ, phường P, Quận H (Theo giấy ủy quyền ngày 31/07/2019). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Nguyễn Thị Đ, Khu phố 3, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: đường Nguyễn Huy T, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lưu Phương Th – Luật sư của Công ty luật TNHH LN, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số 4, Khu phố 6, phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phú Văn B, sinh năm 1963; (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1090 Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đặng Thị Hương G, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1, Đường số 2, Khu phố 5, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đặng Xuân L, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: 186 Đường 17, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phú Thị Ngọc P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Nguyễn Thị Đ, Khu phố 3, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Nguyễn Huy T, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

4. Người làm chứng: Ông Tăng Trí H, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 14, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, 13/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Đ có Người đại diện theo ủy quyền của là ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông Đ với bà Phạm Thị Ngọc Y có mối quan hệ làm ăn chung nên khi thiếu vốn bà Y có vay tiền của ông Đ. Vào ngày 03/12/2018, ông Đ và bà Y có ký hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh để vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) mục đích thanh toán khoản vay tại Ngân hàng, thời hạn vay 03 tháng, không lãi suất. Số tiền trên ông nhờ bà G giao cho bà Y. Sau khi vay bà Y chưa trả nợ. Nay ông khởi yêu cầu buộc bà Y phải trả khoản nợ gốc và trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 04/3/2019 đến ngày 30/7/2020 là: 563.287.672 đồng, tổng cộng: 4.563.287.672 đồng. Trả làm 1 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định pháp luật cho đến khi trả hết nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – bà Phạm Thị Ngọc Y trình bày:

Bà Y xác nhận ngày 03/12/2018, bà và ông Đ ký hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh để vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), mục đích đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng, thời hạn vay 03 tháng nhưng do không còn nhu cầu vay nữa nên đã không nhận tiền từ ông Đ. Thực tế bà chưa nhận khoản tiền này, vì hai bên không có biên bản giao nhận tiền, nếu phía nguyên đơn xuất trình được biên bản giao nhận tiền thì bà đồng ý trả nợ. Sau khi ký hợp đồng bà đã nhiều lần yêu cầu hủy Hợp đồng vay tiền nhưng ông Đ không thực hiện, bà chỉ nói miệng, không có văn bản nên không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa. Bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà là vợ ông Đ. Số tiền vay 4.000.000.000 đồng mà chồng cho bà Y vay là tài sản riêng của ông Đ, bà không liên quan và không có tranh chấp. Bà đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

2/ Ông Phú Văn B trình bày:

Ông là chồng của bà Y. Đối với khoản nợ 4.000.000.000 đồng mà vợ ông đang tranh chấp với ông Đ, ông không biết, và không liên quan. Ông không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

3/ Bà Đặng Thị Hương G trình bày:

Ngày 27/9/2018, bà có rút tiền từ tài khoản số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông Đ mượn và nhờ đưa cho bà Phạm Thị Ngọc Y vay. Bà Y có ký nhận tiền mặt số tiền 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Chiểu, địa chỉ: 153 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà khẳng định số tiền trên là của ông Đ. Giữa bà và bà Y không có giao dịch vay mượn nào. Trong vụ án này bà không yêu cầu gì và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

4/ Bà Phú Thị Ngọc P trình bày:

Bà là con gái của bà Y. Mẹ của bà có vay của bà G 4.000.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay và tiền lãi vay 5,5%/tháng, bà đã ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 31 tờ bản đồ số 41 phường L, Quận H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CE 147442 số vào sổ cấp giấy CH 02607 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 17/4/2007 với ông L là em của bà G số tiền đặt cọc 6.000.000.000 đồng. Bà không nhận khoản tiền 6.000.000.000 đồng này. Sau đó bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên cho ông Tăng Trí H, ông H đã chuyển khoản trả cho ông L 6.000.000.000 đồng, bao gồm 4.000.000.000 đồng tiền gốc mà mẹ bà đã vay và 2.000.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, khoản nợ trên của mẹ bà đã

được bà trả nợ. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì. Bà đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

5/ Ông Đặng Xuân L trình bày:

Ông là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P, hai bên ký hợp đồng đặt cọc. Ông đã giao tiền đặt cọc 6.000.000.000 đồng tiền mặt cho người đại diện của bà P tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Chiêu. Sau đó ông không mua nữa. Ông H là người nhận chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên, ông H đã chuyển trả lại ông số tiền 6.000.000.000 đồng. Sau đó các bên ký hủy hợp đồng đặt cọc. Hợp đồng đặt cọc giữa ông và bà P không liên quan gì đến khoản nợ của bà Y. Tranh chấp vay mượn tiền giữa ông Đ và bà Y, ông không liên quan. Ông đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

6/ Người làm chứng – Ông Tăng Trí H trình bày:

Ông đã chuyển trả số tiền 6.000.000.000 đồng cho ông H theo yêu cầu của bà P và bà Y, vì ông là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất của bà P. Quan hệ vay mượn tiền giữa bà Y, bà G, ông Đ, ông không liên quan. Ông đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại Bản án số 50/2020/DS-ST ngày 18 tháng 09 năm 2020 của tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Đ: Buộc bà Phạm Thị Ngọc Y phải trả cho ông Đ số tiền 4.615.555.000 đồng. Trong đó tiền gốc 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), tiền lãi 615.555.000 đồng, tạm tính đến ngày 18/9/2020.

Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2019 bà Phạm Thị Ngọc Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không rút đơn khởi kiện, bà Y không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện của bà Y trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà Y có ký hợp đồng công chứng vay 4.000.000.000 đồng ngày 3/12/2018 nhưng vì không có nhu cầu vay tiền nữa nên bà không nhận khoản tiền vay này. Ông Đ không có chứng cứ giao tiền cho bà Y. Bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ các chứng cứ trong vụ án. Ngày nhận tiền của bà G là 27/9/2018 nhưng ngày công chứng vay tiền là ngày 3/12/2018. Bà Y có nhận của bà G 4.000.000.000 đồng nhưng là quan hệ khác và bà Y đã trả nợ cho bà G bằng hợp đồng đặt cọc 6.000.000.000 đồng giữa bà P (con gái bà Y) và ông L (em ruột bà G). Như vậy

khoản vay 4.000.000.000 đồng của bà G đã được trả. Hợp đồng công chứng vay tiền ngày 3/12/2018 thì bà Y không vay.

Đại diện của ông Đ trình bày: Đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y vì ngày 26/9/2018 ông Đ ký vay 4.000.000.000 đồng của bà G và nhờ bà G giao 4.000.000.000 đồng cho bà Y nên ngày 27/9/2018 bà G mới rút tiền giao cho bà Y. Giao dịch đặt cọc giữa bà P và ông L là quan hệ khác, không liên quan đến việc vay tiền. Do đó đề nghị y bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ giao tiền cho bà Y. Bà Y thừa nhận có nhận 4.000.000.000 đồng của bà G nhưng đây là quan hệ vay nợ giữa bà G và bà Y, không liên quan đến ông Đ. Số tiền này, bà Y đã trả cho bà G bằng hợp đồng đặt cọc 6.000.000.000 đồng giữa bà P (con gái bà Y) và ông L (em ruột bà G). Khoản vay 4.000.000.000 đồng của bà G đã được trả. Hợp đồng công chứng vay tiền của ông Đ thì bà Y không vay nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện của bà Y đồng ý với ý kiến phát biểu của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Đại diện của ông Đ trình bày: Bản án sơ thẩm xử đúng pháp luật. Bà Y thừa nhận đã nhận 4.000.000.000 đồng từ bà G. Bà G xác nhận tiền này là của ông Đ nhờ bà giao cho bà Y. Bà Y cho rằng số tiền trên là vay của bà G nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, số tiền trên là của ông Đ. Bà Y chưa trả thì bà Y phải trả ông Đ. Đề nghị y bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của bà Y làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét đơn kháng cáo của bà Y: Ngày 03/12/2018, ông Đ và bà Y có ký hợp đồng công chứng với nội dung bà Y vay của ông Đ số tiền 4.000.000.000 đồng. Bà Y cho rằng chưa nhận số tiền này. Ông Đ cho rằng, đã nhờ bà G đưa cho bà Y 4.000.000.000 đồng. Bà Y thừa nhận đã nhận 4.000.000.000 đồng từ bà G nhưng là giao dịch khác, không liên quan đến ông Đ. Số tiền này bà Y đã trả bà G bằng một hợp đồng đặt cọc 6.000.000.000 đồng giữa bà P và ông L. Tuy nhiên, bà Y không có chứng cứ nào chứng minh. Bà G xác nhận số tiền 4.000.000.000 đồng là của ông Đ, bà chỉ giao giùm ông Đ. Quan hệ đặt cọc sang nhượng đất giữa ông L và bà P cũng không thể hiện số tiền 6.000.000.000 đồng đặt cọc là tiền trả nợ cho bà Y. Do đó không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y. Đề nghị y bản án sơ thẩm theo Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của bà Y làm trong hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Y cho rằng bà có ký hợp đồng công chứng vay tiền nhưng thực tế không nhận tiền. Ông Đ không có chứng cứ giao tiền. Quan hệ nhận tiền của bà Y với bà G là quan hệ vay mượn và bà Y đã trả cho bà G bằng hợp đồng đặt cọc đất giữa con bà Y (bà P) với em bà G (ông L). Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của bà G và sự thừa nhận của bà Y đã nhận 4.000.000.000 đồng từ bà G vào ngày 27/9/2018 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, căn cứ vào chữ ký nhận 4.000.000.000 đồng của bà Y, căn cứ vào lời khai của bà G có đủ cơ sở xác định bà Y đã nhận 4.000.000.000 đồng vào ngày 27/9/2018.

Xét bà Y cho rằng số tiền 4.000.000.000 đồng là bà vay mượn của bà G không liên quan đến ông Đ nhưng không có chứng cứ nào chứng minh cho quan hệ này là vay mượn. Lời khai này bà G không thừa nhận giữa bà và bà Y không có quan hệ vay mượn. Số tiền 4.000.000.000 đồng này là của ông Đ vay bà và nhờ bà đưa cho bà Y. Như vậy, có đủ cơ sở xác định số tiền 4.000.000.000 đồng bà Y nhận từ bà G tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam vào ngày 27/9/2018 là của ông Đ (bà G chỉ là người đưa tiền giùm cho ông Đ mà thôi).

Xét bà Y cho rằng số tiền 4.000.000.000 đồng đã trả cho bà G bằng hình thức giao dịch hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa bà P (con bà Y) với ông L (em bà G) bao gồm 4.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 2.000.000.000 đồng là 6.000.000.000 đồng. Lời khai này bà G, ông L không thừa nhận. Xét nội dung của hợp đồng đặt cọc ngày 28/9/2018 giữa bà P với ông L là thỏa thuận sang nhượng đất giữa cá nhân ông L và bà P không có điều khoản, từ ngữ nào liên quan đến khoản tiền 4.000.000.000 đồng của bà Y nhận ngày 27/9/2018 từ bà G nên không có cơ sở cho rằng giao dịch giữa bà Y với bà G là giao dịch vay mượn và cũng không có cơ sở cho rằng bà Y đã trả 4.000.000.000 đồng cho bà G.

Như đã phân tích ở trên, số tiền 4.000.000.000 đồng bà Y nhận vào ngày 27/9/2018 là của ông Đ, bà Y chưa trả ông Đ thì bà phải có trách nhiệm trả số tiền trên. Bản án sơ thẩm buộc bà Y phải trả số tiền trên và lãi suất tạm tính cho đến ngày xét xử như án sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở. Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y, y bản án sơ theo khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng bà Y đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027945 ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đóng đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 9, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 4, Điều 6, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc Y. Y bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:

Buộc bà Phạm Thị Ngọc Y phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gồm: 4.000.000.000 đồng (tiền gốc) và 615.555.000 đồng (tiền lãi tính đến ngày 18/9/2020). Tổng cộng là 4.615.555.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Ngọc Y phải nộp: 112.615.555 đồng (Một trăm mười hai triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.128.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0027228 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng bà Y đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027945 ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đóng đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận H;
- Chi cục THADS Quận H;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim

Nguyễn Minh Quang

Phạm Thị Nhung

